

Số: 366/BC-UBND

Trà Vinh, ngày 18 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, năm 2023

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Thực hiện Công văn số 5301/BXD-QLN ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Bộ Xây dựng về việc báo cáo kết quả thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025, năm 2023;

Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, năm 2023, như sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Về tổ chức bộ máy thực hiện Chương trình

Đối với cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2022 về việc thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG và Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025; đồng thời, Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh ban hành Quyết định số 59/QĐ-BCĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025; cấp huyện, đến cuối năm 2022, đã có 09/09 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG cấp huyện và ban hành quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo và cấp xã đã thành lập Ban quản lý dự án và Ban phát triển ấp, khóm.

- Để lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành hoạt động Chương trình MTQG xây dựng NTM có hiệu quả và đi vào chiều sâu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân

tỉnh ban hành Quyết định số 1480/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG và Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025; kiện toàn Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025 (tại Quyết định số 1186/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2022) và kiện toàn Hội đồng thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025 (tại Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2022). Ban Chỉ đạo cấp huyện, cấp xã cũng được kiện toàn, củng cố và thành lập Ban Quản lý Chương trình MTQG xây dựng NTM cấp xã nhằm bảo đảm toàn diện trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ tại cơ sở. Tại các xã điều có bố trí 01 cán bộ kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ xây dựng NTM.

- Đánh giá hiệu quả hoạt động của bộ máy chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình; công tác phối hợp giữa các bộ ngành, sở ngành, các cấp trong tổ chức thực hiện Chương trình:

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân công nhiệm vụ cho các sở, ban ngành phụ trách hướng dẫn hỗ trợ địa phương thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc các Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025 (tại Quyết định số 1659/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2022). Các sở, ban ngành tỉnh đều có hướng dẫn đánh giá các nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách, từ đó địa phương thực hiện công tác đánh giá tốt kết quả các tiêu chí theo quy định.

+ Công tác phối hợp giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cơ quan chủ trì thực hiện Chương trình), các bộ, ngành trung ương có liên quan; cơ chế phối hợp giữa các sở, ngành tỉnh với các địa phương trong quản lý, chỉ đạo và triển khai chương trình: Công tác phối hợp rất kịp thời, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Văn phòng Điều phối NTM Trung ương thường xuyên ban hành các văn bản chỉ đạo để tỉnh áp dụng thực hiện. Bên cạnh đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành liên quan thường xuyên tổ chức hội nghị trực tuyến để chỉ đạo, trao đổi những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025. Ban Chỉ đạo tỉnh cũng thường xuyên ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh tổ chức họp định kỳ 2 tuần/lần, để nghe các địa phương báo cáo về kết quả xây dựng NTM, từ đó kịp thời chỉ đạo cũng như tháo gỡ khó khăn trong quá trình các địa phương triển khai thực hiện.

Những khó khăn bất cập trong quá trình thực hiện: Trong quá trình thực hiện Chương trình xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh gặp một số khó khăn như: Cán bộ thực hiện nhiệm vụ xây dựng NTM cấp huyện và cấp xã đều là cán bộ kiêm nhiệm, không có cán bộ chuyên trách, nên trong quá trình thực hiện còn gặp nhiều khó khăn như: Công việc nhiều, cán bộ thực hiện ít và do kiêm nhiệm nên một số cán bộ thiếu trình độ chuyên môn.

2. Về văn bản hướng dẫn thực hiện

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh đã ban hành nhiều văn bản quan trọng chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể gồm 01 Nghị quyết của Tỉnh ủy; 05 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; 18 Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; 01 Quyết định của Ban chỉ đạo tỉnh, 05 Kế hoạch của Ban Chỉ đạo tỉnh. Theo đó, các sở, ngành tỉnh, các địa phương làm căn cứ xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện.

Trên cơ sở, các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, các sở, ngành tỉnh đã ban hành các hướng dẫn thực hiện các tiêu chí NTM thuộc lĩnh vực mình phụ trách để các địa phương làm căn cứ xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025 và hàng năm.

(Chi tiết Phục lục số 01)

Phân tích, đánh giá kết quả ban hành các văn bản: Các văn bản chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025 từ Trung ương đến địa phương đều đầy đủ và đồng bộ, có tính khả thi cao khi áp dụng vào thực hiện xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh.

Phân tích, đánh giá việc ban hành, hướng dẫn các tiêu chí NTM: Các hướng dẫn thực hiện các Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng NTM của các bộ, ngành trung ương có sát với thực tiễn. Các Bộ tiêu chí xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025 có nhiều nội dung mới và chỉ tiêu ở các nội dung cũ thì nâng lên cao hơn so với các Bộ tiêu chí NTM giai đoạn 2016 - 2020, nhất là đối với các tiêu chí về hộ nghèo, thu nhập,...nên tình cũng gặp nhiều khó khăn trong thực hiện.

3. Kết quả thực hiện công tác tuyên truyền, vận động

Trong năm 2023, Ban Chỉ đạo các cấp đã tổ chức lồng ghép, tuyên truyền được 2.385 cuộc, với 34.160 lượt người tham dự. Nâng tổng số trong giai đoạn 2021 - 2025 là 8.954 cuộc, với 221.319 lượt người tham dự. Các hình thức tuyên truyền chủ yếu là lồng ghép vào các cuộc họp ở các ấp tuyên truyền cho người dân nắm rõ các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về Chương trình xây dựng NTM, vận động chỉnh trang đô thị, cảnh quang môi trường; vận động người dân hiến đất, cây cối, hoa màu,...để thực hiện các công trình dân sinh trong xây dựng NTM, tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân về chỉnh trang nhà cửa, xây dựng hồ xí hợp vệ sinh, xây dựng hàng rào cây xanh, phát hoang bụi rậm các tuyến đường giao thông nông thôn,...

- MTTQ Việt Nam các cấp tích cực tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân nâng cao nhận thức về chủ trương đường

lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và phong trào toàn dân bảo vệ ANTT... với nhiều hình thức đa dạng, phong phú như: thông qua các cuộc họp, hội nghị chuyên đề, sinh hoạt lệ Ban công tác Mặt trận và các chi, tổ hội đoàn thể; cộng tác viết tin, bài tuyên truyền trên các kênh thông tin báo chí, Trang thông tin điện tử và Tờ thông tin công tác Mặt trận, hệ thống truyền thanh cơ sở; đăng tải, chia sẻ thông tin tuyên truyền trên các trang, nhóm trong hệ thống MTTQ Việt Nam trên mạng xã hội facebook, zalo... Qua tuyên truyền, quần chúng Nhân dân đã cung cấp cho lực lượng Công an 494 tin có giá trị, giúp lực lượng Công an đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ gìn ANTT trên địa bàn tỉnh.

4. Công tác kiểm tra, giám sát

Thường trực Tỉnh ủy tổ chức Đoàn công tác kiểm tra, đã tiến hành 03 đợt kiểm tra Ban Thường vụ Huyện ủy (*Trà Cú, Cầu Kè và Tiểu Cần*) về công tác thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Tỉnh ủy về xây dựng tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025 và các nghị quyết, chương trình công tác có liên quan.

Đầu năm 2023 đến nay, Hội đồng nhân dân tỉnh đã thực hiện hiệu quả 02 cuộc giám sát chuyên đề, đối với 07 đơn vị chịu sự giám sát, trong đó:

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thực hiện 01 cuộc giám sát, đối với 03 đơn vị chịu sự giám sát (*Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, Ủy ban nhân dân huyện Càng Long*) giám sát về kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2023.

- Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện 01 cuộc khảo sát kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2023 phục vụ Đoàn giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Khảo sát đối với 04 đơn vị (*Ủy ban nhân dân xã Lương Hòa A, xã Thanh Mỹ của huyện Châu Thành; Ủy ban nhân dân xã Nhị Long, xã Đại Phước của huyện Càng Long*).

Ủy ban nhân dân tỉnh cùng với các sở, ngành có liên quan thực hiện 10 đợt kiểm tra kết quả xây dựng huyện đạt nông thôn mới, huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao đối các huyện: Trà Cú, Cầu Kè và Tiểu Cần. Đồng thời, kiểm tra đợt xuất tiến độ triển khai các công trình, dự án, cảnh quan môi trường và tiến độ giải ngân kinh phí phân bổ năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới trên địa bàn các huyện: Trà Cú, Cầu Kè và Tiểu Cần.

Chỉ đạo Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh (*Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*) phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh tổ chức 10 cuộc thẩm định, thẩm tra hồ sơ, mức độ đạt tiêu chí các xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, huyện nông thôn mới,

huyện nông thôn mới nâng cao đối với 17 xã và 03 huyện, cụ thể: tổ chức 01 cuộc thẩm định đối với 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022; 05 cuộc thẩm định đối với 11 xã nông thôn mới nâng cao; 02 cuộc thẩm định đối với 03 xã nông thôn mới kiểu mẫu; 03 cuộc thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt tiêu chí đối với huyện Trà Cú, Cầu Kè, Tiểu Cần. Bên cạnh đó, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức 01 cuộc kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2023 trên địa bàn huyện Càng Long.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023

1. Tình hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM trước năm 2025

Đến nay, tỉnh đã xây dựng cơ bản đạt 5/8 nội dung, gồm: Nội dung số 02, 04, 05, 06, 07, còn lại 3/8 nội dung chưa đạt gồm: Nội dung 01, 03, 08. Chi tiết từng nội dung, cụ thể như sau:

- Nội dung 01: Có 100% số huyện trên địa bàn đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021 - 2025; đối với các huyện đã được công nhận đạt chuẩn NTM giai đoạn 2010 - 2020, phải rà soát, chỉ đạo thực hiện, đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM giai đoạn 2021 - 2025: Toàn tỉnh có 6/7 huyện được Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận đạt chuẩn NTM, trong đó, có 04 huyện công nhận theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2016 - 2020, gồm: huyện Tiểu Cần, Cầu Kè (*đang xây dựng huyện NTM nâng cao, đánh giá theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025: Cầu Kè và Tiểu Cần đạt 9/9 tiêu chí*), Càng Long (*đánh giá theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025 đạt 6/9 tiêu chí, còn lại 3 tiêu chí chưa đạt gồm tiêu chí số 2 về Giao thông; tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục; tiêu chí số 7 về Môi trường*), Châu Thành (*đánh giá theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025 đạt 8/9 tiêu chí, còn lại tiêu chí số 07 về Môi trường chưa đạt*); 02 huyện công nhận theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025, gồm: huyện Cầu Ngang và Duyên Hải. Còn lại 01 huyện (*huyện Trà Cú*), hiện tại đạt 9/9 tiêu chí, đang hoàn thành hồ sơ trình Trung ương thẩm định, dự kiến đạt chuẩn vào cuối năm 2023.

Địa phương tự đánh giá: Chưa đạt theo quy định.

- Nội dung 02: Có 100% số thị xã, thành phố trên địa bàn hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025; đối với các thị xã, thành phố đã được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2010 - 2020, phải rà soát, chỉ đạo thực hiện, đáp ứng đầy đủ mức hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM theo yêu cầu đối với thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây NTM mới giai đoạn 2021 - 2025: Toàn tỉnh có 01 thị xã và 01 thành phố (*thị xã Duyên Hải và thành phố Trà Vinh*) hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020. Kết quả rà soát theo quy định giai đoạn 2021 - 2025: Thị xã Duyên Hải và thành phố Trà Vinh cơ bản đạt theo quy định giai đoạn 2021 - 2025, đạt 100%.

Địa phương tự đánh giá: Đạt theo quy định.

- Nội dung 03: Có ít nhất 20% số huyện trên địa bàn đạt chuẩn NTM nâng cao giai đoạn 2021 - 2025: Hiện tỉnh chưa có huyện đạt chuẩn huyện NTM nâng cao. Kết quả xây dựng huyện NTM nâng cao đến nay, huyện Cầu Kè (*kế hoạch đạt chuẩn năm 2023*) và huyện Tiểu Cần (*kế hoạch đạt chuẩn năm 2024, phấn đấu đạt năm 2023*) đều đạt 9/9 tiêu chí, đang hoàn thiện hồ sơ trình Trung ương thẩm định xem xét.

Địa phương tự đánh giá: Chưa đạt theo quy định.

- Nội dung 04: Có ít nhất 40% số xã trên địa bàn đạt chuẩn NTM nâng cao giai đoạn 2021 - 2025: Toàn tỉnh có 38 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt 44,7%; trong đó có 11 xã đạt theo quy định Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025. Đối với 27 xã đạt chuẩn NTM nâng cao giai đoạn 2016 - 2020 đã thực hiện nâng chất các tiêu chí để đảm bảo đạt theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025, kết quả nâng chất đến nay có 22/27 xã đạt 19/19 tiêu chí, còn lại 05/27 xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí, hiện 05 xã này đang nâng chất đảm bảo cuối năm đạt theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025.

Địa phương tự đánh giá: Đạt theo quy định.

- Nội dung 05: Có Đề án xây dựng NTM toàn tỉnh, thành phố giai đoạn 2021 - 2025 được Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thông qua: Tỉnh đã xây dựng “Đề án xây dựng tỉnh Trà Vinh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trước năm 2025” và được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022.

Địa phương tự đánh giá: Đạt theo quy định.

- Nội dung 06: Có ít nhất 70% số km đường huyện, đường tỉnh, quốc lộ trên địa bàn được trồng cây xanh dọc tuyến đường: Hiện nay, số km đường huyện, đường tỉnh, quốc lộ trên địa bàn toàn tỉnh được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt 72,11%.

Địa phương tự đánh giá: Đạt theo quy định.

- Nội dung 07: Đất cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn tối thiểu là 4 m²/người: Đất cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn toàn tỉnh đạt 8,37m²/người.

Địa phương tự đánh giá: Đạt theo quy định.

- Nội dung 08: Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý, đạt từ 90% trở lên: Năm 2022 đạt 81,93% (*theo Quyết định số 288/QĐ-BNV ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc phê duyệt và công bố Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2022*); đối với năm 2023 chưa đánh giá, hiện nay Sở Nội vụ đã lập danh sách gửi Bộ Nội vụ tổ chức triển khai khảo sát năm 2023, dự kiến đầu năm 2024 công bố kết quả.

* Đối với lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh sẽ tổ chức thực hiện lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trước khi hoàn chỉnh hồ sơ trình Trung ương xem xét công nhận (*dự kiến cuối năm 2024*).

Địa phương tự đánh giá: Chưa đánh giá.

2. Huyện nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao

- Huyện NTM: Kế hoạch năm 2023, huyện Trà Cú đạt chuẩn huyện NTM, huyện đã thực hiện đạt 9/9 tiêu chí, đang hoàn chỉnh hồ sơ trình Trung ương thẩm định. Nâng tổng số đến nay, toàn tỉnh có 08/9 đơn vị cấp huyện được Thủ tướng Chính phủ Quyết định công nhận đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

- Huyện NTM nâng cao: Kế hoạch năm 2023, huyện Cầu Kè đạt chuẩn NTM nâng cao và huyện Tiểu Cần (*kế hoạch đạt chuẩn năm 2024, phấn đấu đạt năm 2023*), đến nay điều đạt 9/9 tiêu chí, đang hoàn thiện hồ sơ trình Trung ương thẩm định.

3. Xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu

- Xã NTM: Đến cuối năm 2022, toàn tỉnh có 85/85 xã đạt chuẩn NTM. Hiện các xã đạt chuẩn NTM giai đoạn 2016-2020 đều thực hiện nâng chất để đạt theo quy định Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025, qua rà soát đến nay còn 16 xã đạt từ 15-18 tiêu chí) và các xã này đang tiếp tục nâng chất đạt theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025.

- Xã NTM nâng cao: Kế hoạch năm 2023, có 10 xã đăng ký, 03 xã phấn đấu đạt chuẩn NTM nâng cao (xã đạt 15-18 tiêu chí: 05 xã; xã đạt 19 tiêu chí: 08 xã), hiện các xã đang tập trung xây dựng và nâng chất các tiêu chí NTM nâng cao theo quy định. Nâng tổng số đến nay, toàn tỉnh có 38 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, Trong đó các xã đạt chuẩn NTM nâng cao giai đoạn 2016-2020 (rà soát còn 05 xã đạt từ 15-18 tiêu chí và đang tiếp tục nâng chất theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025).

- Xã NTM kiểu mẫu: Năm 2023, phấn đấu mỗi đơn vị cấp huyện có ít nhất 01 xã NTM kiểu mẫu, các xã đang thực hiện hoàn thành tiêu chí. Đến nay, toàn tỉnh có 03 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, gồm: Xã Long Đức, thành phố Trà Vinh; xã An Trường, huyện Càng Long và xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè.

4. Gia đình văn hóa, NTM; Ấp NTM

- Gia đình văn hóa, NTM: Đến nay, toàn tỉnh có 219.242/232.198 hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa, NTM, đạt 94,4%.

- Ấp NTM: Đến nay, toàn tỉnh có 635/640 ấp đạt chuẩn Ấp văn hóa; Ấp NTM, đạt 99,2% (*còn lại 05 ấp chưa đạt gồm: ấp Nguyệt Lăng C, xã Bình Phú, huyện Càng Long; ấp Trà Trò C, xã Hàm Giang, ấp Xa Xi, xã Ngãi*

Xuân, ấp Trà Cú C, xã Kim Sơn, ấp Mộc Anh, xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú). Trong đó, có 66 ấp NTM kiểu mẫu đạt 10,38%.

(Chi tiết Phục lục số 02, 03)

5. Kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực

Tính đến tháng 01/12/2023, tổng nguồn vốn phân bổ thực hiện chương trình là 376,443 tỷ đồng, giải ngân đến 01 tháng 12 năm 2023 là 225,629 tỷ đồng, đạt 59,9%. Trong đó:

- Ngân sách Trung ương phân bổ là 129,443 tỷ đồng, giải ngân đến 01/12/2023 là 62,229 tỷ đồng, đạt 48,1%, trong đó:

+ Vốn đầu tư phát triển 88,908 tỷ đồng, giải ngân đến 01 tháng 12 năm 2023 là 52,312 tỷ đồng, đạt 58,8%.

+ Vốn sự nghiệp phân bổ 40,535 tỷ đồng, giải ngân đến 01 tháng 12 năm 2023 là 9,917 tỷ đồng, đạt 24,5%.

- Ngân sách tỉnh được phân bổ 247 tỷ đồng, giải ngân đến 01 tháng 12 năm 2023 là 163,4 tỷ đồng, đạt 66,2%.

(Chi tiết Phục lục số 04,05,06)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả nổi bật đã đạt được

- Về xây dựng NTM, tỉnh đã hoàn thành 100% số xã đạt chuẩn NTM, trong đó, có 44,7% xã NTM nâng cao, 3,5% xã NTM kiểu mẫu; 8/9 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn huyện NTM, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, đạt 88,88%.

- Các sở, ban, ngành đã tích cực chủ động sáng tạo trong công tác tham mưu và trực tiếp thực hiện tốt các nội dung Chương trình xây dựng NTM theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Công tác tuyên truyền, vận động có sự tập trung, với hình thức linh hoạt, thông tin được lựa chọn tuyên truyền mang tính thời sự, đúng định hướng và gắn với nhiệm vụ chính trị, yêu cầu thực tiễn của huyện, từng địa phương, đơn vị.

2. Những khó khăn, vướng mắc

- Về công tác tổ chức lập quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã và quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn (quy định liên quan Tiêu chí 1- quy hoạch xã nông thôn mới và Tiêu chí 1- quy hoạch xã nông thôn mới nâng cao): Theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng và quy hoạch nông thôn thì chỉ nêu đối với trường hợp “các xã thuộc quy hoạch chung đô

thị đã được phê duyệt thì được xác định đã đảm bảo tiêu chí quy hoạch để xem xét, đánh giá, công nhận huyện nông thôn mới và xã nông thôn mới” chưa quy định về xem xét, đánh giá, công nhận xã nông thôn mới nâng cao đối với các xã thuộc quy hoạch chung đô thị được phê duyệt và đã có quy hoạch phân khu được phê duyệt.

- Về công tác tổ chức lập Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn: Theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Luật Kiến trúc: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng quy chế quản lý kiến trúc và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi ban hành.*”; không quy định cụ thể khi phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện phải trình Hội đồng nhân dân cấp huyện thông qua trước khi ban hành, phê duyệt quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn. Đối với các xã thuộc đô thị mà đã có tổ chức lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị thì có cần phải tổ chức lập quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn hay không. Đồng thời, Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 chưa quy định tổ chức lập quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn đối với các xã nằm trong đô thị theo đô thị hay nông thôn.

- Trong các Bộ tiêu chí: xã NTM, xã NTM nâng cao, xã NTM kiểu mẫu; huyện NTM, huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 có nhiều chỉ tiêu mới và các chỉ tiêu cũ cũng được nâng cao hơn so với giai đoạn 2016 - 2020 và yêu cầu các xã, các huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn theo giai đoạn 2016 - 2020 phải thực hiện nâng chất đạt theo giai đoạn 2021 - 2025 nên quá trình triển khai còn gặp khó khăn. Nhất là đối với một số nội dung tiêu chí cần nguồn vốn đầu tư lớn để thực hiện nâng chất, mà điều kiện nguồn lực của địa phương có hạn nên một số xã còn gặp khó khăn về nguồn lực đầu tư.

- Các văn bản hướng dẫn thực hiện giải ngân nguồn vốn của Trung ương còn chậm và nhiều văn bản có quy định mới địa phương còn lúng túng trong áp dụng triển khai thực hiện nên tiến độ thực hiện và giải ngân còn khá chậm.

- Các xã chưa có cán bộ chuyên trách thực hiện nhiệm vụ xây dựng NTM chủ yếu là kiêm nhiệm, nên quá trình triển khai thực hiện chương trình, nhất là các kế hoạch chuyên sâu cũng còn hạn chế.

3. Nguyên nhân của hạn chế

- Tác động của dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến việc thực hiện và duy trì chất lượng các tiêu chí Thu nhập, Hộ nghèo của nhiều địa phương. Nguồn vốn trung ương phân bổ thực hiện Chương trình rất thấp so với nhu cầu làm ảnh hưởng đến việc thực hiện một số nhiệm vụ theo kế hoạch đã đề ra, nguồn lực huy động từ ngân sách địa phương, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư,... cũng hạn chế do tập trung nguồn lực chống dịch.

- Nguồn vốn của tỉnh có giới hạn và các công ty, doanh nghiệp, xí nghiệp lớn chưa vào tỉnh đầu tư nhiều, chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ và vừa nên việc huy động nguồn lực để thực hiện Chương trình còn rất hạn chế, chủ yếu là Ngân sách nhà nước nên việc đầu tư các tiêu chí phân cứng là rất khó khăn.

- Các bộ, ngành chậm ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện giai đoạn 2021 - 2025, dẫn đến các sở, ngành tỉnh chậm hướng dẫn cho các địa phương.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2024

I. MỤC TIÊU

Tăng cường công tác tham mưu Ban chỉ đạo tỉnh để chỉ đạo triển khai thực hiện tốt Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh. Trong đó, thực hiện tốt Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Tỉnh ủy về xây dựng tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025 và Quyết định số 1416/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2022 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025, trong đó, tập trung thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện đạt 8/8 tiêu chí tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM theo Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025.

- Tiếp tục thực hiện nâng chất các xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu; huyện đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao để đảm bảo đạt tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025 và các tiêu chí đã đạt đảm bảo mang tính bền vững.

- Triển khai thực hiện tốt các Chương trình chuyên đề trong xây dựng NTM.

II. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành

Thường xuyên kiện toàn, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo các cấp và hệ thống tổ chức, hoạt động của Văn phòng Điều phối NTM các cấp trong tỉnh theo hướng chuyên nghiệp và đúng quy định của Trung ương. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện của các địa phương và tổng hợp báo cáo kết quả về Ban Chỉ đạo tỉnh (thông qua Văn phòng Điều phối NTM tỉnh) theo quy định.

2. Nâng cao hiệu quả công tác thi đua, tuyên truyền

- Tiếp tục xác định công tác tuyên truyền, vận động là việc làm thiết thực, thường xuyên và liên tục. Các ngành, các cấp tổ chức quán triệt, tuyên truyền các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh về xây dựng NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025 để cán bộ, đảng viên và Nhân dân hiểu rõ quan điểm chỉ đạo, mục đích, yêu cầu nội dung giải pháp trong xây dựng NTM. Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu, tiên phong, tích cực tham gia xây dựng NTM. Đẩy mạnh công tác truyền thông, thường xuyên cập nhật, đưa tin về các mô hình, các điển hình tiên tiến, sáng kiến và kinh nghiệm hay về xây dựng NTM trên các phương tiện thông tin đại chúng để phổ biến và nhân rộng. Song song đó, kịp thời uốn nắn những biểu hiện sai lệch, chạy theo thành tích trong quá trình thực hiện Chương trình.

- Tiếp tục thực hiện phong trào thi đua “Trà Vinh cùng cả nước chung sức xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025” và các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”, “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”, xây dựng cảnh quan môi trường sáng, xanh, sạch, đẹp. Có cơ chế bình xét, khen thưởng nhằm khuyến khích mọi tầng lớp Nhân dân và hệ thống chính trị thi đua đạt các mục tiêu của Chương trình; tổ chức tôn vinh doanh nghiệp, doanh nhân, HTX, cá nhân tiêu biểu có nhiều đóng góp trong xây dựng NTM, NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu.

3. Công tác đào tạo, tập huấn

Tiếp tục thực hiện đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp trong tỉnh, nhất là cấp huyện, xã, ấp; ưu tiên các chuyên đề hướng dẫn triển khai các nội dung, quy định mới của Trung ương, của tỉnh ban hành cho giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể: Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình; quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG; hướng dẫn thực hiện các bộ tiêu chí (xã, huyện, tỉnh) đạt chuẩn NTM; Quy trình, thủ tục, hồ sơ đề nghị công nhận xã, huyện đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu,...

4. Phát triển sản xuất gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp; đẩy mạnh thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)

Đẩy mạnh tiến độ thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Tăng cường ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất; khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương; khuyến khích, hỗ trợ phát triển liên doanh, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị bền vững, sản xuất theo quy mô hàng hóa lớn, nhất là đối với các ngành hàng chủ lực của tỉnh. Quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho các HTX nông nghiệp phát triển, ưu tiên các HTX có mô hình sản xuất hiệu quả, áp dụng công nghệ cao, có liên doanh, liên kết hiệu quả. Xây dựng các mô hình phát triển kinh tế du lịch gắn với phát triển sản xuất nông nghiệp tại địa phương như: Mô hình du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch gắn với

phát triển nông nghiệp, nông thôn,...; tập trung thực hiện có hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP theo hướng nâng cao chất lượng gắn với xây dựng thương hiệu, tăng khả năng cạnh tranh và hướng đến xuất khẩu.

5. Đẩy mạnh phát triển giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường và xây dựng đời sống văn hóa, giữ vững an ninh trật tự xã hội ở nông thôn

- Tổ chức rà soát, kiểm tra việc thực hiện tiêu chí giáo dục (*nhất là cơ sở vật chất trường học*) tại các trường học; tiếp tục duy trì và giữ vững kết quả phổ cập giáo dục tại từng địa phương; thường xuyên quán triệt, triển khai thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo của Trung ương và của địa phương về phổ cập giáo dục; chú trọng công tác huy động trẻ trong độ tuổi đi học và học sinh trung học tốt nghiệp tiếp tục đi học tại các trường;

- Tăng cường công tác tuyên truyền vận động các cơ sở sản xuất, hộ kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm; tiếp tục tăng cường chỉ đạo, giám sát các đơn vị trực thuộc thực hiện các hoạt động thường xuyên, nhằm đảm bảo đạt mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch khám chữa bệnh và phòng, chống dịch bệnh.

- Tiếp tục kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TU ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Trà Vinh và Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh, trên địa bàn tỉnh gắn với việc xây dựng cảnh quan môi trường, tuyến đường hoa, tuyến đường xanh, sạch, đẹp, công tác thu gom, xử lý rác thải, công tác vệ sinh môi trường cơ quan.

- Theo dõi và hướng dẫn thực hiện phương án xử lý các bãi rác trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở; tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao nhằm khai thác và phát huy có hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở; đồng thời xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, đẩy lùi tệ nạn xã hội, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân nâng cao nhận thức, ý thức cảnh giác, nghiêm túc thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, tích cực tham gia xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc. Giữ gìn an ninh trật tự ở nông thôn; chú trọng xây dựng và nhân rộng mô hình tự quản về an ninh trật tự ở khu dân cư; phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể và người có uy tín trong cộng đồng.

6. Về tăng cường thu hút các nguồn lực xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng ở nông thôn

- Tiếp tục thực hiện huy động nguồn lực cho xây dựng NTM để nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và nâng cao đời sống của người dân trên địa bàn xã, ấp, ưu tiên đối với các lĩnh vực: Giao thông, điện, trường học, trạm y tế, nước sạch,...Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án của Trung ương đảm bảo đồng bộ, tránh trùng lặp, lãng phí. Đẩy mạnh xã hội hóa nguồn lực, huy động nguồn lực tại chỗ, phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng NTM, vận động các tổ chức, doanh nghiệp đóng góp cùng chung sức xây dựng NTM. Tận dụng nâng cấp các công trình hiện có, bảo tồn các công trình lịch sử, văn hóa.

- Bố trí ngân sách địa phương các cấp (*tỉnh, huyện*), tiếp tục huy động từ nhiều nguồn lực, bao gồm: Nguồn vốn tín dụng, các nguồn lực khác từ các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, từ xã hội, nguồn vốn đóng góp của Nhân dân, các nguồn lực hợp pháp của các cá nhân, tổ chức quốc tế để cùng với nguồn lực từ ngân sách nhà nước tập trung đầu tư cho hạ tầng nông thôn và các mục tiêu xây dựng NTM.

III. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2024

Dự kiến tổng nhu cầu vốn:

- Vốn ngân sách trung ương bố trí: 110,792 tỷ đồng, gồm:

+ Vốn đầu tư: 85,680 tỷ đồng.

+ Vốn sự nghiệp: 25,112 tỷ đồng.

- Vốn ngân sách địa phương: 206,5 tỷ đồng.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Kiến nghị Bộ Xây dựng xem xét, hướng dẫn:

+ Hướng dẫn liên quan việc thực hiện công tác tổ chức lập quy hoạch chi tiết trung tâm xã đối với các xã thuộc quy hoạch chung đô thị được phê duyệt và đã có quy hoạch phân khu được phê duyệt; để thực hiện xem xét, đánh giá, công nhận Tiêu chí 1- quy hoạch xã nông thôn mới nâng cao cho phù hợp.

+ Hướng dẫn đối với trường hợp các xã đã và đang tổ chức lập quy hoạch phân khu đô thị (*định hướng thành lập phường*) thì được xác định đã đảm bảo tiêu chí quy hoạch để xem xét, đánh giá, công nhận xã nông thôn mới nâng cao.

+ Hướng dẫn việc tổ chức lập quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn đối với các xã thuộc đô thị đã tổ chức lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị.

+ Hướng dẫn liên quan việc Ủy ban nhân dân cấp huyện có thông qua Hội đồng nhân dân cùng cấp Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông

thôn không, sau khi đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền theo quy định.

- Kiến nghị Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, kiến nghị Chính phủ tiếp tục quan tâm, hỗ trợ ngân sách Trung ương cho tỉnh Trà Vinh để xây dựng tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trước năm 2025.

Trên đây là báo cáo kết quả triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023./.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng;
- Bộ NN&PTNN;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNN;
KH&ĐT, TC;
- BLĐVP;
- Các Phòng: NN, CNXD, KT;
- Lưu: VT, NN. 04

KT. **CHỦ TỊCH**
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Hoàng

Phụ lục số 01

CÁC VĂN BẢN

THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Báo cáo số: 336/BC-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh)



TT	Loại văn bản	Cơ quan ban hành	Số, ngày, tháng ban hành	Trích yếu	Ghi chú
1	Nghị quyết	Tỉnh ủy	số 04-NQ/TU ngày 20/7/2021	về xây dựng tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025	
2	Nghị quyết	HĐND tỉnh	số 54/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	thông qua Đề án xây dựng tỉnh Trà Vinh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trước năm 2025	
3	Nghị quyết	HĐND tỉnh	số 03/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022	Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách Trung ương và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 - 2025	
4	Nghị quyết	HĐND tỉnh	số 01/2023/NQ-HĐND ngày 27/02/2023	ban hành Quy định nội dung chi và mức chi thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 - 2025	
5	Nghị quyết	HĐND tỉnh	số 17/2023/NQ-HĐND ngày 31/7/2023	về định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất; nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	

6	Nghị quyết	HĐND tỉnh	22/2023/NQ-HĐND ngày 13/11/2023	sửa đổi bổ sung một số điều của quy định nội dung chi và mức chi thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 – 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 27/02/2023 của HĐND tỉnh.
7	Quyết định	UBND tỉnh	số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022	ban hành Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025
8	Quyết định	UBND tỉnh	số 1186/QĐ-UBND ngày 29/6/2022	về việc kiện toàn Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025
9	Quyết định	UBND tỉnh	số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022	ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025
10	Quyết định	UBND tỉnh	số 1416/QĐ-UBND ngày 28/7/2022	ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025
11	Quyết định	UBND tỉnh	số 1417/QĐ-UBND ngày 28/7/2022	ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025
12	Quyết định	UBND tỉnh	số 1618/QĐ-UBND ngày 05/8/2022	về việc thành lập Ban xây dựng "Đề án xây dựng tỉnh Trà Vinh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trước năm 2025"
13	Quyết định	CT UBND tỉnh	số 1659/QĐ-UBND ngày 15/8/2022	phân công nhiệm vụ các sở, ban, ngành tỉnh phụ trách hướng dẫn, hỗ trợ địa phương thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc các Bộ tiêu chí; Xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu; huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025
14	Quyết định	CT UBND tỉnh	số 1045/QĐ-UBND ngày 16/6/2022	về việc kiện toàn Hội đồng thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025

15	Quyết định	CT UBND tỉnh	số 2121/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	về việc thành lập Đoàn thẩm định xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu; thẩm tra huyện đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025	
16	Quyết định	UBND tỉnh	số 2122/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	ban hành Bộ tiêu chí áp nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025	
17	Quyết định	UBND tỉnh	số 2123/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	ban hành tiêu chuẩn "Áp văn hóa; Áp nông thôn mới"; Gia đình văn hóa, nông thôn mới" trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025	
18	Quyết định	UBND tỉnh	số 2207/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Trà Vinh đến năm 2025	
19	Quyết định	UBND tỉnh	số 2211/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	ban hành Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025	
20	Quyết định	UBND tỉnh	số 2212/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025	
21	Quyết định	UBND tỉnh	số 2291/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025	
22	Quyết định	UBND tỉnh	số 2452/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025	
23	Quyết định	UBND tỉnh	số 852/QĐ-UBND ngày 01/6/2023	ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Đề án xây dựng tỉnh Trà Vinh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trước năm 2025	
24	Quyết định	UBND tỉnh	số 19/2023/QĐ-UBND ngày 29/8/2023	ban hành quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	

25	Quyết định	Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh	số 72/QĐ-BCĐ ngày 05/9/2022	Quyết định của Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh ban hành Chương trình Truyền thông phục vụ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025
26	Kế hoạch	Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh	số 45/KH-BCĐ ngày 26/6/2022	phân công thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ huyện Cầu Ngang và huyện Duyên Hải đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022
27	Kế hoạch	Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh	số 66/KH-BCĐ ngày 22/8/2022	triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh năm 2022
28	Kế hoạch	Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh	số 22/KH-BCĐ ngày 17/4/2023	về triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh năm 2023
29	Kế hoạch	Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh	số 39/KH-BCĐ ngày 21/6/2023	phân công thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ huyện Trà Cú đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023
30	Kế hoạch	Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh	số 47/KH-BCĐ ngày 07/7/2023	phân công thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ huyện Cầu Kè và huyện Tiểu Cần đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao
31	Công văn	số 1157/SXD-QHKT&PTĐT ngày 25/8/2022	Giám đốc Sở Xây dựng	hướng dẫn tiêu chí số 01 về Quy hoạch và tiêu chí 09 về Nhà ở dân cư
32	Công văn	số 1081/SGTVT-KCHT ngày 14/9/2022	Giám đốc Sở Giao thông vận tải	hướng dẫn thực hiện tiêu chí về Giao thông thuộc bộ tiêu chí của tỉnh về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/ huyện nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025
33	Quyết định	số 274/QĐ-SNN ngày 26/7/2022	Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT	ban hành hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu thuộc các Bộ tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025, lĩnh vực ngành nông nghiệp và PTNT phụ trách
34	Công văn	số 2028/SNN-VPĐP ngày 12/9/2023	Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT	thực hiện chỉ tiêu 8.9 về mô hình xã, ấp thông minh của tiêu chí số 8 Chất lượng môi trường sống thuộc Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao

35	Công văn	số 951/SCT-QLTM ngày 17/6/2022	Giám đốc Sở Công Thương	hướng dẫn tạm thời đánh giá thực hiện tiêu chí 6.2 trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và tiêu chí 6.3 trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025
36	Công văn	số 1150/SCT-QLTM ngày 20/7/2022	Giám đốc Sở Công Thương	Công văn của Giám đốc Sở Công Thương hướng dẫn kiểm tra, đánh giá và xét công nhận tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025
37	Công văn	số 2044/SCT-QLCN ngày 18/11/2022	Giám đốc Sở Công Thương	hướng dẫn thực hiện và xét công nhận tiêu chí về Điện trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh
38	Công văn	số 1830/SCT-QLCN ngày 17/10/2022	Giám đốc Sở Công Thương	hướng dẫn phương pháp thực hiện thành phần 6.1 về Cụm công nghiệp trên địa bàn các huyện xây dựng nông thôn mới và huyện xây dựng nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025
39	Kế hoạch	số 70/KH-SGDĐT ngày 21/7/2022	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo	về triển khai thực hiện thẩm tra, đánh giá, xác nhận các tiêu chí xây dựng nông thôn mới thuộc Ngành Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2021-2025
40	Hướng dẫn	số 01/HD-SVHTTDL ngày 05/8/2022	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo	hướng dẫn thực hiện tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025
41	Công văn	số 1686/STTTT-BCVTCNTT ngày 24/8/2022	Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông	hướng dẫn thực hiện tiêu chí thông tin và truyền thông về xây dựng xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh
42	Công văn	số 364/CTK-TKXH ngày 06/7/2022	Cục Thống kê tỉnh	hướng dẫn quy trình thu thập, tổng hợp và tính toán Tiêu chí về thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn các xã thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

43	Công văn	số 3081/SLĐT BXH- LĐVLGDNN ngày 30/12/2022	Giám đốc Sở LĐ-TB và XH	hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu lĩnh vực lao động, xã hội thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	
44	Công văn	số 2115/SKHĐT- THKTKG ngày 13/10/2022	Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư	về việc triển khai Quyết định số 1245/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
45	Công văn	số 3395/SYT- KHTC ngày 15/12/2022	Giám đốc Sở Y tế	hướng dẫn thực hiện tiêu chí xã/huyện nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 lĩnh vực ngành Y tế phụ trách	
46	Công văn số	1179/SYT-NVY ngày 31/5/2023	Giám đốc Sở Y tế	hướng dẫn thực hiện tiêu chí 14.2; 14.3; 14.4 của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025	
47	Công văn	số 1210/SYT- NVY ngày 02/6/2023	Giám đốc Sở Y tế	đính chính nội dung công văn số 1179/SYT-NVY ngày 31/5/2023	
48	Công văn	số 1193/STP- VBPB&TDTHPL	Giám đốc Sở Tư pháp	hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu, tiêu chí "Chuẩn tiếp cận pháp luật" thuộc Bộ tiêu chí xã, huyện nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao	
49	Hướng dẫn	số 04/HD-STNMT ngày 04/8/2022	Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường	hướng dẫn thực hiện một số chỉ tiêu của tiêu chí môi trường thuộc bộ tiêu chí huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025	
50	Hướng dẫn	số 06/HD-STNMT ngày 12/8/2022	Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường	hướng dẫn thực hiện một số chỉ tiêu của tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới; tiêu chí số 17 về môi trường và tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống thuộc bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025	
51	Công văn	số 2469/STNMT- QLMT ngày 23/8/2022	Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường	tiếp tục hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu 7.4 trong xây dựng huyện nông thôn mới	

52	Hướng dẫn	số 07/HD-STNMT ngày 02/12/2022	Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường	hướng dẫn thực hiện một số chỉ tiêu của tiêu chí về Cảnh quan môi trường thuộc bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025
53	Công văn	số 665/STNMT-QLMT ngày 13/3/2023	Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường	hướng dẫn xác định khối lượng chất thải nhựa phát sinh từ nguồn hoạt động sinh hoạt hằng ngày
54	Công văn	số 1144/STNTM-QLMT ngày 20/4/2023	Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường	định chính nội dung hướng dẫn thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu
55	Công văn	số 1228/SNV-XDCQCTTN ngày 02/8/2023	Giám đốc Sở Nội vụ	hướng dẫn thực hiện nội dung 18.1 đối với Tiêu chí 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật về xã nông thôn mới theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ
56	Công văn	số 2154/VP-THNV ngày 18/8/2022	Chánh Văn phòng UBND tỉnh	hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025
57	Công văn	số 3475/BCH-CT ngày 23/9/2022	Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	hướng dẫn thực hiện tiêu chí 19.1 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025
58	Công văn	số 1672/CAT-PV05 ngày 29/8/2022	Giám đốc Công an tỉnh	thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu về an ninh, trật tự đối với xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao, giai đoạn 2021-2025
59	Kế hoạch	số 104/KH-BTV ngày 08/5/2023	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	thực hiện các nội dung chỉ tiêu 17.8 trong bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và chỉ tiêu 18.7 trong bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao do hội LHPN tỉnh Trà Vinh được phân công chủ trì giai đoạn 2021-2025

Phụ lục số 02

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI ĐẾN NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 336/BC-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh)

TT	Nội dung	Kết quả đến 31/12 của năm trước	Kết quả thực hiện đến tháng 11/2023	Dự kiến thực hiện hết năm 2023	Ghi chú
I	Tổng số đơn vị cấp huyện thực hiện XD NTM trên địa bàn	8/9	9/9	9/9	
	<i>Trong đó</i>				
-	Số đơn vị cấp huyện đã được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM	8/9	8/9	9/9	
-	Số huyện đạt chuẩn NTM nâng cao	0	0	2/7 (01 huyện ĐK và 01 huyện phấn đấu)	
-	Số huyện đạt chuẩn NTM kiểu mẫu	0	0	0	
-	Số đơn vị cấp huyện đã hoàn thành thủ tục họp Hội đồng thẩm định Trung ương (hiện đang trình Thủ tướng Chính phủ)	0	0	0	
-	Số đơn vị cấp huyện đang triển khai thủ tục trình TTCP công nhận đạt chuẩn ở cấp tỉnh (đề nghị ghi rõ tên đơn vị cấp huyện)		3/9	3/9	
II	Kết quả thực hiện xây dựng NTM cấp xã				

TT	Nội dung	Kết quả đến 31/12 của năm trước	Kết quả thực hiện đến tháng 11/2023	Dự kiến thực hiện hết năm 2023	Ghi chú
1	Tổng số xã thực hiện XD NTM trên địa bàn (không bao gồm các thị trấn)	85/85	85/85	85/85	
1.1	Số xã ĐBKK khu vực III thuộc Chương trình DTTS và Miền núi	15/15 (Theo quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ)	15/15	15/15	
1.2	Số xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thuộc Chương trình Giảm nghèo bền vững				
1.3	Số xã còn lại	75	75	75	
2	Số xã đạt 19 tiêu chí	85/85	85/85	85/85	
2.1	Số xã có QĐ công nhận đạt chuẩn NTM	85/85	85/85	85/85	
-	Số xã ĐBKK khu vực III thuộc Chương trình DTTS và Miền núi	15/15 (Theo quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ)	15/15	15/15	
-	Số xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thuộc Chương trình Giảm nghèo bền vững				
-	Số xã còn lại	75	75	75	

TT	Nội dung	Kết quả đến 31/12 của năm trước	Kết quả thực hiện đến tháng 11/2023	Dự kiến thực hiện hết năm 2023	Ghi chú
2.2.	Số xã đang hoàn thiện thủ tục trình cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn NTM	0	0	0	
-	<i>Số xã khu vực III thuộc Chương trình DTTS và Miền núi</i>				
-	<i>Số xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thuộc Chương trình Giảm nghèo bền vững</i>				
-	<i>Số xã còn lại</i>				
2.3	Số xã có QĐ công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao	38/85	38/85	48/85	
2.4	Số xã có QĐ công nhận đạt chuẩn NTM kiểu mẫu	3/85	3/85	6/85	
3	Số xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí	0	16/85 xã (rà soát theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025)		
-	<i>Số xã ĐBKK khu vực III thuộc Chương trình DTTS và Miền núi</i>		3/15 xã (rà soát theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025)		

TT	Nội dung	Kết quả đến 31/12 của năm trước	Kết quả thực hiện đến tháng 11/2023	Dự kiến thực hiện hết năm 2023	Ghi chú
-	Số xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thuộc Chương trình Giảm nghèo bền vững				
-	Số xã còn lại		13		
4	Số xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí	0	0	0	
-	Số xã ĐBKK khu vực III thuộc Chương trình DTTS và Miền núi				
-	Số xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thuộc Chương trình Giảm nghèo bền vững				
-	Số xã còn lại				
5	Số xã đạt từ 5 - 9 tiêu chí	0	0	0	
-	Số xã ĐBKK khu vực III thuộc Chương trình DTTS và Miền núi				
-	Số xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thuộc Chương trình Giảm nghèo bền vững				
-	Số xã còn lại				
III	Kết quả đạt chuẩn NTM cấp thôn, bản, ấp	632/640	635/640	640/640	

TT	Nội dung	Kết quả đến 31/12 của năm trước	Kết quả thực hiện đến tháng 11/2023	Dự kiến thực hiện hết năm 2023	Ghi chú
1	Số đơn vị cấp thôn thuộc các xã ĐBKK được công nhận đạt chuẩn NTM	7/8 ấp (Theo Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2023 có 9 ấp tại xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú. Nhưng hiện nay do sáp nhập địa giới hành chính tại xã nên còn 8 ấp)	7/8	8/8	
2	Số thôn, bản, ấp còn lại được công nhận đạt chuẩn NTM (nếu có)	625	628	632	
3	Số thôn, bản, ấp được công nhận NTM kiểu mẫu (nếu có)	55	66	66	

Phụ lục số 03

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC BỘ TIÊU CHÍ VỀ NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 336/BC-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh)

TT	Nội dung	ĐVT	Kết quả đến 31/12 của năm trước	Thực hiện đến tháng 11/2023	Kế hoạch cuối năm 2023	Ghi chú
I	Bộ tiêu chí quốc gia về xã đạt chuẩn NTM	xã	85/85	69/85 (rà soát theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025)	85/85	
1	Quy hoạch		85	84	85	
2	Giao thông		85	82	85	
3	Thuỷ lợi và phòng, chống thiên tai		85	85	85	
4	Điện		85	85	85	
5	Trường học		85	85	85	
6	Cơ sở vật chất văn hoá		85	84	85	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		85	85	85	
8	Thông tin và Truyền thông		85	85	85	
9	Nhà ở dân cư		85	82	85	
10	Thu nhập		85	85	85	
11	Nghèo đa chiều		85	75	85	
12	Lao động		85	85	85	
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn		85	75	85	

TT	Nội dung	ĐVT	Kết quả đến 31/12 của năm trước	Thực hiện đến tháng 11/2023	Kế hoạch cuối năm 2023	Ghi chú
14	Giáo dục và Đào tạo		85	85	85	
15	Y tế		85	80	85	
16	Văn hoá		85	85	85	
17	Môi trường và an toàn thực phẩm		85	84	85	
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật		85	84	85	
19	Quốc phòng và An ninh		85	85	85	
II	Bộ tiêu chí quốc gia về xã đạt chuẩn NTM nâng cao	xã	38/85	33/85 (rà soát theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025)	48/85 (10 xã đăng ký năm 2023)	
1	Quy hoạch		38	38	48	
2	Giao thông		38	36	48	
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai		38	38	48	
4	Điện		38	38	48	
5	Giáo dục		38	37	48	
6	Văn hóa		38	38	48	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		38	38	48	
8	Thông tin và Truyền thông		38	38	48	
9	Nhà ở dân cư		38	38	48	
10	Thu nhập		38	38	48	

TT	Nội dung	ĐVT	Kết quả đến 31/12 của năm trước	Thực hiện đến tháng 11/2023	Kế hoạch cuối năm 2023	Ghi chú
11	Nghèo đa chiều		38	36	48	
12	Lao động		38	38	48	
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn		38	36	48	
14	Y tế		38	33	48	
15	Hành chính công		38	37	48	
16	Tiếp cận pháp luật		38	38	48	
17	Môi trường		38	38	48	
18	Chất lượng môi trường sống		38	38	48	
19	Quốc phòng và An ninh		38	38	48	
III	Bộ tiêu chí huyện đạt chuẩn NTM	huyện	6/7	4/7 (rà soát theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025)	7/7 (1 huyện đăng ký năm 2023)	
1	Quy hoạch		6	6	7	
2	Giao thông		6	5	7	
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai		6	6	7	
4	Điện		6	6	7	
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục		6	5	7	
6	Kinh tế		6	6	7	
7	Môi trường		6	4	7	

TT	Nội dung	ĐVT	Kết quả đến 31/12 của năm trước	Thực hiện đến tháng 11/2023	Kế hoạch cuối năm 2023	Ghi chú
8	Chất lượng môi trường sống		6	6	7	
9	Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công		6	6	7	
IV	Bộ tiêu chí huyện đạt chuẩn NTM nâng cao	huyện	0	0	2/7 (01 huyện ĐK và 01 huyện phấn đấu)	
1	Quy hoạch				2	
2	Giao thông				2	
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai				2	
4	Điện				2	
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục				2	
6	Kinh tế				2	
7	Môi trường				2	
8	Chất lượng môi trường sống				2	
9	An ninh, trật tự - Hành chính công				2	

Phụ lục số 04

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
NAM 2023**

(Kèm theo Báo cáo số: 336/BC-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung chỉ tiêu	Vốn phân bổ năm 2023	Giải ngân đến tháng 01/12/2023	Tỷ lệ	Ghi chú
	TỔNG SỐ	376.443	225.629	59,9	
I	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	129.443	62.229	48,1	
2	Đầu tư phát triển	88.908	52.312	58,8	(Vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 là 4.538)
3	Sự nghiệp	40.535	9.917	24,5	(Vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 là 14.622)
II	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	247.000	163.400	66,2	
1	Tỉnh	247.000	163.400	66,2	
2	Huyện				
3	Xã				
III	VỐN LÒNG GHÉP				
IV	VỐN TÍN DỤNG				
V	VỐN DOANH NGHIỆP				
VI	HUY ĐỘNG TỪ NGƯỜI DÂN VÀ CỘNG ĐỒNG				
1	Tiền mặt				
2	Ngày công và hiện vật quy đổi				

Phụ lục số 05

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023**

(Kèm theo Báo cáo số: 336/BC-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh)

TT	CÔNG TRÌNH	Vốn phân bổ năm 2023	Giải ngân đến tháng 27/11/2023	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	88.908	52.312	
1	Giao thông	83.668	50.372	(Vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 là 4.538)
2	Thủy lợi			
3	Phòng chống, thiên tai			
4	Điện			
5	Trường học			
6	CSVC Văn hóa	2.940	1.940	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn			
8	CSHT vùng nguyên liệu tập trung			
9	Trạm y tế xã, trung tâm y tế huyện			
10	Hệ thống cơ sở hạ tầng số, chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn			
11	Công trình cung cấp nước sạch tập trung			
12	CSHT bảo vệ môi trường nông thôn; các mô hình xử lý chất thải sinh hoạt quy mô tập trung (cấp huyện và liên huyện); hệ thống thu gom, thoát nước thải và các công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung	2.300	-	
13	Khác (nếu có)			

Phụ lục số 06

VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023

THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Báo cáo số: 336/BC-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh)

TT	Danh mục các chương trình, dự án	Kế hoạch vốn năm 2023		Giải ngân đến tháng 01/12/2023		Ghi chú
		Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp	Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp	
1	2	3	4	5	6	7
	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	88.908	40.535	50.509	9.917	
1)	Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng thiết yếu	88.908		50.509		(Vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 là 4.538)
	Các hoạt động sự nghiệp kinh tế		40.535		9.917	(Vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 là 14.622)
2)	Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện nông thôn mới theo quy hoạch	-	5.600	-		
3)	Xây dựng và phát triển các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản	-	2.900	-		
4)	Chương trình môi trường xã hội nông thôn	-	4.100	-		
5)	Phát triển du lịch nông thôn	-	300	-		
6)	Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất	-	2.500	-		
7)	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu thị trường	-	3.700	-		-
8)	Thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn	-	300	-		

9)	Thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới	-	150	-		
10)	Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn	-	2.950	-		
11)	Cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em	-	200	-		
12)	Nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của cán bộ các cấp và người dân về phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới	-	854	-		
13)	Truyền thông về Nông thôn mới	-	670	-		
14)	Thực hiện các chương trình chuyên đề (**)	-	900	-		
15)	Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 (Quyết định số 1804/QĐ-TTg)	-	200	-		
16)	Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới (Quyết định số 167/QĐ-TTg)	-	200	-		
17)	Kinh phí hoạt động của cơ quan chỉ đạo Chương trình các cấp (***)	-	389	-		